

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 18/5/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quý Sáng;
2. Bà Giàng Thị Phụng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị D

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Xuân P, chị Phạm Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và cũng là họ hàng nên ngày 15 tháng 5 năm 2009 (âm lịch) vợ chồng ông bà cho vợ chồng anh Bùi Xuân P, chị Phạm Thị H, địa chỉ thôn C, xã C, huyện B vay số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1% tháng. Đến năm 2011, anh P chị H đã trả cho vợ chồng ông bà được số tiền gốc 100.000.000 đồng và còn nợ lại 70.000.000 đồng. Đến ngày 05/4/2015 hai bên chốt công nợ thống nhất anh chị P H còn nợ vợ chồng ông bà số tiền là 100.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2018 anh chị P H trả được cho ông bà 15.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 85.000.000 đồng. Anh P chị H hứa hẹn đến ngày 06/01/2019 sẽ trả hết số tiền còn nợ lại. Vợ chồng ông C, bà D đã nhiều lần đến gặp anh P, chị H yêu cầu anh chị trả số tiền trên nhưng đến nay anh chị vẫn không trả. Đến nay ông C bà D đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh P chị H phải trả cho ông bà số tiền là 85.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Bùi Xuân P và chị Phạm Thị H: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh P, chị H và tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn nhưng bị đơn anh P, chị H không có văn bản trả lời và cũng không đến toà án làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa không có ý kiến yêu cầu xem xét vấn đề gì về thủ tục tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Xuân P, chị Phạm Thị H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông C bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn anh P, chị H trả số tiền đã vay là 85.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 06/7/2018. Vì vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản: Theo giấy vay nợ ghi ngày 06/7/2018 anh chị Phú Hương còn nợ ông C và bà D số tiền 85.000.000 đồng và hẹn đến ngày 06/01/2019 sẽ trả hết nợ. Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Giấy vay tiền ghi ngày 06/7/2018 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Đã hết thời hạn trả nợ ghi trong giấy vay tiền nhưng anh chị Phú Hương vẫn chưa trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo điều 466 Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh P, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Như vậy anh P, chị H đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền đã vay là 85.000.000 đồng là có căn cứ theo điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn anh P, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn ông Châu, bà Dung được miễn án phí theo điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 288; Điều 290; Điều 463; Điều 465; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147; Điểm b Khoản 2 điều 227; Khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc C và Mai Thị D. Buộc anh Bùi Xuân P, chị Phạm Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Ngọc C và Mai Thị D số tiền là: 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Cụ thể anh Bùi Xuân P và chị Phạm Thị H mỗi người có trách nhiệm trả ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị D số tiền: 42.500.000 đồng (bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357; điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh Bùi Xuân P và chị Phạm Thị H mỗi người phải chịu 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc C và bà Mai Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKS ND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- Chi cục THADS huyện Bảo Yên;
- Các đương sự ;
- Lưu HS; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Anh